

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGÔ TUẤN TĂNG

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ NHẪM NÂNG CAO
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP VÀ DẠY
NGHỀ PHỔ THÔNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC TẠI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TỔNG HỢP – HƯỚNG
NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã ngành: 601405**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn: GS – TSKH Nguyễn Văn Hộ

Tháng 8 năm 2008

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1	
CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC QUẢN LÝ HĐGDHN VÀ DNPT	
CHO HỌC SINH BẬC TRUNG HỌC TẠI TRUNG TÂM KTTH - HN	
1.1. Những quan điểm về hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông	5
1.2. Những khái niệm cơ bản	12
1.3. Kết luận chương 1	34
CHƯƠNG 2	
CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA VIỆC NÂNG CAO HIỆU QUẢ HĐGDHN	
VÀ DNPT TẠI TRUNG TÂM KTTH - HN TỈNH THÁI NGUYÊN	
2.1. Tình hình chung của trung tâm KTTH - HN tỉnh Thái Nguyên	35
2.2. Thực trạng hoạt động GDHN và DNPT tại trung tâm KTTH - HN tỉnh Thái Nguyên	36
2.3. Thực trạng công tác quản lý hoạt động GDHN và dạy nghề phổ thông tại trung tâm KTTH - HN tỉnh Thái Nguyên	48
2.4. Kết luận chương 2	59
CHƯƠNG 3	
MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HĐGDHN VÀ DNPT CHO HỌC SINH	
TẠI TRUNG TÂM KTTH - HN TỈNH THÁI NGUYÊN	
3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp	61
3.2. Các biện pháp quản lý hoạt động GDHN và DNPT tại trung tâm KTTH - HN tỉnh Thái Nguyên	63
3.3. Khảo nghiệm tính khả thi của một số biện pháp	89
3.4. Kết luận chương 3	94
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	97
1. Kết luận chung	97
2. Khuyến nghị	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	100
PHỤ LỤC	103

MỞ ĐẦU

1. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1.1. Một trong những vấn đề bức xúc của giáo dục Việt Nam hiện nay, khiến toàn xã hội phải quan tâm đó là việc định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT (trung học cơ sở và trung học phổ thông). Theo số liệu thống kê hàng năm tính trung bình cả nước có khoảng 70 – 80% số học sinh THCS vào học THPT, riêng tỉnh Thái Nguyên trong những năm gần đây, mỗi năm có khoảng 12000 học sinh vào học lớp 10 và số học sinh tốt nghiệp THPT đều đăng kí thi Đại học, Cao đẳng. Xét về nhu cầu, xu hướng và nguyện vọng của lớp trẻ thì những số liệu nêu trên là trân trọng, nhưng thực tiễn về năng lực và nhu cầu xã hội lại không cho phép nguyện vọng đó thành hiện thực. Mỗi năm số học sinh được tuyển vào ĐH, CĐ (đại học, cao đẳng) chỉ chiếm khoảng 10 – 15%, tạo lên sự ùn tắc trong các kì thi tuyển sinh, gây tổn kém cho gia đình và cho xã hội.

1.2. HĐGDHN và DNPT (hoạt động giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông) cho học sinh phổ thông có ý nghĩa rất to lớn, xét về mặt giáo dục đó là công việc *điều chỉnh động cơ chọn nghề* của học sinh, *điều chỉnh hứng thú nghề nghiệp* của các em *theo xu thế phân công lao động xã hội*, góp phần vào việc *cụ thể hoá các mục tiêu đào tạo* của trường phổ thông. Về ý nghĩa kinh tế thì công tác hướng nghiệp luôn hướng vào việc *sử dụng hợp lý tiềm năng lao động trẻ tuổi* của đất nước, từ đó, *nâng cao năng suất lao động của xã hội*, để đảm bảo được ý nghĩa đó nhà trường phổ thông phải *gắn mục tiêu đào tạo với những mục tiêu kinh tế – xã hội*. Ý nghĩa về mặt chính trị – xã hội, công tác hướng nghiệp có chức năng *thực hiện đường lối giáo dục* của Đảng và Nhà nước, *thực hiện đường lối giáo dục trong đời sống xã hội*, nếu làm tốt công tác hướng nghiệp, chúng ta sẽ có những lớp người đủ năng lực và phẩm chất cách mạng để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, ngoài ra, hướng nghiệp có tác dụng *điều chỉnh sự phân công lao động xã hội*, tạo ra *sự cân bằng trong việc phân bố lực lượng dân cư*. Tóm lại, công tác hướng nghiệp

có ý nghĩa đối với việc triển khai chiến lược con người – một bộ phận của chiến lược kinh tế, khoa học và công nghệ.

1.3. Sự quan tâm chỉ đạo của Đảng thể hiện từ Đại hội III, Đảng ta đã khẳng định: Giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ là đầu tư cho sự phát triển.

Nghị quyết hội nghị lần thứ 2 BCHTW (Ban chấp hành Trung ương) Đảng khoá VIII đã nhấn mạnh: “*Tăng cường giáo dục kỹ thuật tổng hợp và năng lực thực hành ở bậc học phổ thông*”. Vấn đề này cũng được khẳng định tại điều 24(1) Luật giáo dục: “*Nội dung giáo dục phổ thông phải đảm bảo yêu cầu về tính phổ thông, toàn diện, cơ bản và hướng nghiệp...*”. Tiếp theo là chỉ thị 33/ 2003 ngày 23/7/2003 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT (giáo dục & đào tạo) về việc đẩy mạnh công tác sinh hoạt hướng nghiệp và tư vấn nghề nghiệp cho học sinh phổ thông. Để thực hiện được nhiệm vụ mục tiêu giáo dục đào tạo, ngành GD & ĐT nói chung và các trung tâm KTTH – HN (kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp) nói riêng cần làm tốt công tác “*Hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông*”, tạo điều kiện cho các em có thể chọn được một nghề phù hợp theo ý muốn, năng lực của mình, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương và đất nước.

1.4. Trung tâm KTTH – HN tỉnh Thái Nguyên, sau 25 năm triển khai nhiệm vụ, chúng tôi gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, đội ngũ, tài liệu và nội dung chương trình giảng dạy, phụ huynh học sinh chưa nhận thấy được vị trí vai trò, tác dụng của HĐGDHN và DNPT, cho nên hiệu quả đạt được chưa cao. Sự đổi mới trong quản lý, tổ chức giáo dục nói chung và ở các trung tâm KTTH – HN nói riêng còn chuyển biến chậm. Sự phân công trách nhiệm quyền hạn giữa trung tâm và các trường phổ thông chưa hợp lý. Việc sử dụng và khai thác các nguồn lực (nhân lực, tài lực, vật lực) cho HĐGDHN và DNPT còn ít hiệu quả, chưa tập trung vào những hướng ưu tiên như việc tổ chức hoàn thiện nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện dạy nghề, thiếu thông tin nghề... Công tác xã hội hoá giáo dục còn nhiều hạn chế và chưa có biện pháp hữu hiệu. Với lý do trên, chúng tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu: “***Một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu***

quả hoạt động GDHN và dạy nghề phổ thông cho học sinh trung học tại trung tâm KTTH – HN tỉnh Thái Nguyên”.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở phân tích lý luận và tìm hiểu thực trạng việc triển khai hoạt động của các trung tâm KTTH – HN tỉnh Thái Nguyên, đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động GDHN và dạy NPT trong các trung tâm KTTH – HN trên địa bàn tỉnh TN.

3. KHÁCH THỂ, ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu: Hoạt động quản lý hoạt động GDHN và DNPT bậc trung học tại trung tâm KTTH – HN tỉnh Thái Nguyên

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Là các biện pháp quản lý hoạt động GDHN và DNPT tại trung tâm KTTH – HN tỉnh Thái Nguyên

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Hiệu quả của hoạt động GDHN và dạy NPT cho học sinh bậc học phổ thông tại trung tâm KTTH – HN tỉnh Thái Nguyên, có thể được nâng cao nếu như thực hiện một cách đồng bộ một số biện pháp quản lý sau:

1. Tích cực tuyên truyền về hoạt động GDHN và dạy NPT, nhằm thay đổi nhận thức của cấp quản lý, giáo viên, học sinh và dư luận xã hội

2, Hoàn thiện cấu trúc tổ chức và xác lập cơ chế phối hợp giữa trung tâm KTTH - HN và các trường phổ thông trong công tác quản lý hoạt động GDHN và dạy NPT cho học sinh phổ thông.

3. Tổ chức phân công lao động hợp lý, củng cố và phát triển đội ngũ.

4. Thường xuyên cải tiến nội dung, đổi mới phương pháp dạy học.

5. Khai thác và sử dụng hợp lý cơ sở vật chất - kĩ thuật.

6. Tăng cường công tác xã hội hoá hoạt động GDHN và dạy NPT.

5. NHIỆM VỤ

5.1. Xác định cơ sở lý luận của việc quản lý HĐGDHN và DNPT cho học sinh phổ thông bậc trung học tại trung tâm KTTH – HN tỉnh Thái Nguyên

5.2. Đánh giá thực trạng công tác quản lý HGDH và DNPT tại trung tâm KTTH –HN tỉnh Thái Nguyên

5.3. Đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả HGDH và DNPT cho học sinh phổ thông bậc trung học tại trung tâm KTTH – HN tỉnh TN

6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Luận văn chỉ đề cập tới chức năng tổ chức quản lý HGDH - DNPT. Việc khảo nghiệm được tập trung xem xét những biện pháp quản lý HGDH – DNPT thông qua các chủ đề sinh hoạt hướng nghiệp và các nghề dạy tại trung tâm. Lấy ý kiến của học sinh, giáo viên và các cán bộ quản lý các trung tâm, các trường THPT trên địa bàn,

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.1.1. Quan sát sư phạm

7.1.2. Toạ đàm

7.1.3. Điều tra giáo dục

7.1.4. Tổng kết kinh nghiệm quản lý giáo dục

7.1.5. Thực nghiệm sư phạm

7.1.6. Lấy ý kiến chuyên gia

7.2. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

7.3. Các phương pháp toán học sử dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục

8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

8.1. Thời gian thực hiện

8.1.1. Giai đoạn 1: Nghiên cứu tài liệu, thu thập thông tin

8.1.2. Giai đoạn 2: Viết và thông qua đề cương chi tiết

8.1.3. Giai đoạn 3: Hoàn thiện và báo cáo bảo vệ

8.2. Lực lượng liên kết nghiên cứu

8.2.1. Các trung tâm KTTH –HN trong tỉnh

8.2.2. Các trường phổ thông đóng trên địa bàn thành phố

8.2.3. Các đoàn thể, cộng đồng xã hội

8.2.4. Chuyên gia của các cơ sở giáo dục trong tỉnh.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC QUẢN LÝ HĐGDHN VÀ DNPT CHO HỌC SINH TRUNG HỌC TẠI CÁC TRUNG TÂM KTTH – HN

1.1. NHỮNG QUAN ĐIỂM VỀ HƯỚNG NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ PHỔ THÔNG

1.1.1. Ở nước ngoài

1.1.1.1. Trong hệ thống giáo dục, giáo dục trung học phổ thông là giai đoạn học tập chính quy cuối cùng của đa phần thanh thiếu niên học sinh. Giáo dục trung học phổ thông không chỉ có mục tiêu chuẩn bị nguồn cho giáo dục đại học mà chủ yếu là chuẩn bị cho học sinh – những con người trưởng thành-bước vào cuộc sống lao động xã hội. Xuất phát từ thực tế đó, thanh thiếu niên học sinh phổ thông dù học lên đại học hay sớm đi vào cuộc sống lao động nghề nghiệp, họ đều phải được trang bị những tri thức khoa học, kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng lao động nghề nghiệp, năng lực sáng tạo, ý thức tổ chức kỷ luật và những phát minh nhằm thiết thực góp phần đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia.

Trên thực tế, khi khoa học – kỹ thuật phát triển, quy trình công nghệ thay đổi, đặc biệt là trong thời kì bùng nổ thông tin, với xu thế hội nhập và toàn cầu hoá như hiện nay, người lao động thường không có khả năng đề thích ứng kịp thời. Trong khi đó, số học sinh phổ thông khi rời ghế nhà trường với vốn kiến thức “văn hoá chay” không có cơ sở và khả năng hội nhập vào cuộc sống lao động – xã hội. Xuất phát từ thực tiễn như vậy, trong xã hội có giai cấp, đã có các nhà tư tưởng và giáo dục học tiến bộ, đã đưa ra những hình thức gắn giáo dục với lao động nghề nghiệp, với cuộc sống.

Vào giữa thế kỉ 19, ở Pháp xuất hiện cuốn sách “*Hướng nghiệp chọn nghề*” [21,7]. Nội dung cuốn sách đề cập tới vấn đề phát triển đa dạng của nghề do sự

phát triển công nghiệp. Ngay khi đó, người ta đã nhận thấy tính đa dạng, phức tạp của hệ thống nghề nghiệp, tính chuyên môn hoá vượt lên hẳn so với giai đoạn sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, qua đó khẳng định tính cấp thiết phải giúp đỡ thanh thiếu niên học sinh đi vào “*Thế giới nghề nghiệp*” nhằm sử dụng hiệu quả lao động trẻ tuổi. Đến năm 1975, nước Pháp tiến hành cải cách giáo dục nhằm vào hướng: tăng cường giáo dục tự nhiên và toán học, trong đó tăng kiến thức thực hành đối với khoa học tự nhiên, đưa giáo dục kĩ thuật vào để đảm bảo sự liên hệ giữa trường học và đời sống, đồng thời vẫn giữ vững ý nghĩa của các môn xã hội và nhân văn, giảm bớt tính hàn lâm trong việc cung cấp các kiến thức khoa học, tăng cường tỷ trọng các kiến thức có ý nghĩa thực dụng và ý nghĩa hướng nghiệp để giúp học sinh trung học chuẩn bị đi vào đào tạo và cuộc sống nghề nghiệp.

1.1.1.2. Vấn đề dạy học lao động nghề nghiệp đã được nhiều nhà giáo dục học nổi tiếng thuộc tổ chức nghiên cứu về lao động, kĩ thuật và kinh tế trong hoạt động dạy và học của Cộng hoà liên bang Đức nghiên cứu. Các công trình nghiên cứu đó đã làm sáng tỏ về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học lao động nghề nghiệp, tổ chức cho học sinh phổ thông thực tập ở các nhà máy, xí nghiệp, ở các cơ sở kinh doanh – dịch vụ. Qua đó cho thấy rằng hoạt động dạy học lao động – kĩ thuật – kinh tế không chỉ mang tính quan trọng đối với những môn học khác, mà còn là bộ phận cấu thành cơ bản của giáo dục trung học phổ thông... bởi vì nó tạo điều kiện cho học sinh phổ thông phát triển thành những con người trưởng thành trong cuộc sống – xã hội.

Theo truyền thống, hệ thống trường phổ thông Đức quán triệt quan điểm nguyên tắc hướng nghiệp, để chuẩn bị cho học sinh đi vào trường đào tạo nghề tùy theo trình độ học tập của mỗi em. Trẻ được phân loại ngay từ bậc Tiểu học, sau lớp 5, căn cứ vào thành tích học tập của từng em, trường phân loại học sinh thành hai loại: Loại học hết lớp 10 rồi đi học công nhân lành nghề tại các trung tâm dạy nghề và loại học hết trung học (lớp 12). Đến đây lại phân loại lần nữa, chỉ cho những học sinh học khá lên lớp 13 thi lấy bằng tú tài toàn phần và vào

học các trường đại học, số còn lại sẽ vào học các cơ sở đào tạo nghề Trung cấp. Sự phân loại sơ bộ được tiến hành từ khi học hết tiểu học, nhưng sẽ phúc tra đưa ra quyết định chính xác vào sau lớp 9. Tới lớp 10, ngay từ học kì 1, giáo viên chủ nhiệm liên hệ với nhiều cơ sở hướng nghiệp, những trường dạy nghề của các công ty tư nhân và nhà nước để đưa học sinh đến tìm hiểu nghề nghiệp mình muốn học. Những học sinh có nhu cầu hay năng lực học lên đại học buộc phải học lực khá, và từ khi lớp 11 được vào học tại trường phổ thông hệ học lên đại học. Xu hướng hiện đại hoá ở đây là tạo điều kiện cho học sinh có thể học nghề ngay khi đang học phổ thông, cung cấp hệ thống và kiến thức khoa học gắn với hướng đào tạo nghề một cách linh hoạt, giảm bớt tính hàn lâm của bậc học trung học hoàn chỉnh.

1.1.1.3. Vấn đề GDHN và lập nghiệp ở các trường học Úc không chỉ dạy lý thuyết đơn thuần, mà còn cung cấp cho học sinh một khả năng chuyển đổi thật nhanh và có sự bình đẳng trong tất cả các học sinh, làm cho học sinh vừa có kỹ năng lao động, vừa có tri thức. Việc giáo dục này giúp cho học sinh biết tự ra được những quyết định về việc lựa chọn có tính hướng nghiệp, lập nghiệp trong và sau khi học ở trường và tham gia có hiệu quả vào đời sống lao động.

1.1.1.4. Magumi Nishino ở Viện nghiên cứu giáo dục Nhật Bản đã nghiên cứu vấn đề bồi dưỡng tri thức và kỹ năng cơ bản của những ngành nghề cần thiết cho học sinh phổ thông. Theo tác giả, học sinh trung học phải được: “ Bồi dưỡng tri thức và kỹ năng cơ bản của những ngành nghề cần thiết trong xã hội, có thái độ tôn trọng đối với lao động và có khả năng lựa chọn nghề tương lai phù hợp với mỗi cá nhân” [34, 49]. Dù từ lâu, giáo dục Nhật Bản đã chú ý đến vấn đề hoàn thiện nội dung, hình thức dạy học kỹ thuật nhằm cung cấp tri thức, rèn luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp và phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh phổ thông. Chính vì vậy, ở Nhật, trong vòng 30 năm từ 1952 – 1982 nhiều cuộc cải cách giáo dục đã được tiến hành, với mục đích đảm bảo cho giáo dục phổ thông đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế cụ thể của đất nước. Trong đó,

hiều biện pháp đã được áp dụng để nâng cao trình độ đào tạo nghề nghiệp và khoa học tự nhiên trong các trường tiểu học và trung học cơ sở.

1.1.1.5. Các nước ASEAN: Đang tăng cường GDHN cho học sinh phổ thông

- Tại Malaysia: Một trong những chức năng chính của giáo dục bên cạnh việc góp phần phát triển nhân cách là xây dựng nguồn nhân lực. Mục tiêu của khoá học phổ thông 9 năm (từ lớp 1 – lớp 9) là tạo điều kiện cho mỗi học sinh có cơ hội bước vào ngưỡng cửa nghề nghiệp.

- Tại Philippin: Một trong những mục tiêu giáo dục phổ thông là đào tạo nguồn nhân lực với trình độ tay nghề cần thiết để có thể lựa chọn nghề. Chính vì thế mà ở cấp II đã thực hiện giáo dục nghề nghiệp, và chuẩn của học sinh là phải đạt được những kiến thức, kỹ năng, thông tin nghề nghiệp và tinh thần làm việc tối thiểu cần thiết để có thể chọn nghề. Sang cấp III tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể như hướng nghiệp – dạy nghề.

- Tại Thái Lan: Ngay từ Tiểu học đã trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản, kỹ năng tối thiểu của một số công việc nội trợ, nông nghiệp và nghề thủ công. Sang cấp II đẩy mạnh công tác GDHN gắn với một nghề trên cơ sở phù hợp với độ tuổi, sở thích, nhu cầu của mỗi học sinh, đây là bước tiền đề cho học sinh vào cấp III. Giáo dục nghề nghiệp gắn liền với hướng nghiệp nhằm cung cấp cho học sinh những kỹ năng nghề nghiệp, tất cả các trường phải dạy nghề theo quy định của Bộ, học sinh đạt chuẩn sẽ được cấp chứng chỉ nghề.

1.1.1.6. Jacques Delors, chủ tịch Ủy ban quốc tế độc lập về giáo dục cho thế kỷ XXI của UNESCO khi phân tích “ Những trụ cột của giáo dục ” đã viết: “ *Học tri thức, học làm việc, học cách chung sống và học cách tồn tại* ”, đó là 4 trụ cột mà Ủy ban đã trình bày và minh họa những nền tảng của giáo dục [28, 8]. Theo tác giả vấn đề GDHN và học nghề của học sinh phổ thông là một căn bản không thể thiếu được trong giáo dục. Tác giả đã nhấn mạnh việc học sinh có cơ hội